

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp  
Sài Gòn và các công ty con**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết  
thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**  
**Thông tin về Công ty**

**Quyết định số** 3448/QĐ-UB ngày 9 tháng 7 năm 2004  
3449/QĐ-UB ngày 9 tháng 7 năm 2004

Các Quyết định này do Ủy Ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

**Giấy phép Kinh doanh** 4103002955 ngày 15 tháng 12 năm 2004

Giấy phép kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là giấy phép kinh doanh số 0301154821 ngày 15 tháng 10 năm 2009. Giấy phép kinh doanh của Công ty do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Vĩnh Thọ	Chủ tịch
Ông Nguyễn Bình Minh	Thành viên
Ông Tạ Phước Đạt	Thành viên (từ ngày 16 tháng 4 năm 2010)
Ông Võ Hiến	Thành viên
Ông Tê Trí Dũng	Thành viên
Ông Lương Quang Hiến	Thành viên
Ông Lê Hùng	Thành viên (từ ngày 16 tháng 4 năm 2010)
Bà Hoàng Thị Thảo	Thành viên (đến ngày 16 tháng 4 năm 2010)
Ông Lê Điền	Thành viên (đến ngày 16 tháng 4 năm 2010)

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Nguyễn Vĩnh Thọ	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Bình Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Tạ Phước Đạt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Võ Hiến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Tuấn Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Mai Việt Hà	Phó Tổng Giám đốc

**Ban Kiểm soát**

Ông Lê Xuân Đức	Trưởng ban
Bà Nguyễn Phương Loan	Thành viên
Ông Nguyễn Công Bình	Thành viên (từ ngày 16 tháng 4 năm 2010)
Ông Nguyễn Phúc Hưng	Thành viên (đến ngày 16 tháng 4 năm 2010)

**Trụ sở đăng ký** 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa  
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
Việt Nam

**Đơn vị kiểm toán** Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

## **BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi các Cổ đông  
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**

### **Phạm vi kiểm toán**

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất của Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con (“Tập đoàn”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo, được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 18 tháng 3 năm 2011. Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết minh trong báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính trọng yếu của Ban Tổng Giám đốc, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quan của báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã đưa ra cơ sở hợp lý làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

### **Ý kiến kiểm toán**

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

**Công ty TNHH KPMG**  
Việt Nam  
Giấy chứng nhận Đầu tư số: 011043000345  
Báo cáo kiểm toán số: 10-01-236

---

Chong Kwang Puay  
Chứng chỉ kiểm toán viên số N0864/KTV  
Phó Tổng Giám đốc

---

Nguyễn Thanh Nghị  
Chứng chỉ kiểm toán viên số 0304/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 3 năm 2011

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2010**

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2010 VNĐ</b>	<b>31/12/2009 VNĐ</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>100</b>		<b>842.423.184.682</b>	<b>521.121.849.396</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>106.497.794.903</b>	<b>161.869.131.480</b>
<b>Đầu tư ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>36.129.147.943</b>	<b>35.633.284.631</b>
Đầu tư ngắn hạn	121		49.092.369.471	52.922.284.631
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(12.963.221.528)	(17.289.000.000)
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>379.880.146.892</b>	<b>211.516.014.380</b>
Phải thu thương mại	131		139.074.302.004	75.924.078.311
Trả trước cho người bán	132	6	217.116.916.044	91.349.631.557
Các khoản phải thu khác	138		25.180.835.030	45.284.562.103
Dự phòng phải thu khó đòi	139	7	(1.491.906.186)	(1.042.257.591)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8</b>	<b>275.187.718.365</b>	<b>94.686.470.498</b>
Hàng tồn kho	141		280.012.761.428	99.346.719.662
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(4.825.043.063)	(4.660.249.164)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>44.728.376.579</b>	<b>17.416.948.407</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.374.397.828	5.741.079.982
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		27.882.758.189	4.693.133.139
Thuế phải thu ngân sách Nhà nước	154		59.971.924	-
Tài sản ngắn hạn khác	158		14.411.248.638	6.982.735.286
<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>200</b>		<b>1.514.908.308.812</b>	<b>1.271.229.163.268</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>4.345.621.247</b>	<b>5.906.653.139</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>645.846.282.524</b>	<b>405.096.824.068</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	9	128.930.789.242	39.564.151.684
Nguyên giá	222		158.682.468.657	62.599.137.759
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(29.751.679.415)	(23.034.986.075)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	10	6.891.006.551	2.663.406.747
Nguyên giá	225		8.099.678.641	2.663.406.747
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(1.208.672.090)	-
Tài sản cố định vô hình	227	11	48.143.363.719	48.163.896.768
Nguyên giá	228		52.842.326.840	51.815.314.940
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.698.963.121)	(3.651.418.172)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	12	461.881.123.012	314.705.368.869
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>13</b>	<b>96.391.944.455</b>	<b>97.802.040.681</b>
Nguyên giá	241		115.808.292.204	113.259.450.328
Giá trị hao mòn lũy kế	242		(19.416.347.749)	(15.457.409.647)

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)**

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2010 VNĐ</b>	<b>31/12/2009 VNĐ</b>
<b>Đầu tư dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>14</b>	<b>687.287.495.371</b>	<b>698.266.809.107</b>
Đầu tư vào công ty liên kết	252		245.139.975.519	237.921.906.002
Đầu tư dài hạn khác	258		466.032.998.908	523.140.161.479
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		(23.885.479.056)	(62.795.258.374)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>81.036.965.215</b>	<b>64.156.836.273</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	15	35.562.523.169	26.946.046.843
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	31	12.223.926.796	11.283.541.959
Ký quỹ dài hạn	268		33.250.515.250	25.927.247.471
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>2.357.331.493.494</b>	<b>1.792.351.012.664</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)**

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.477.197.357.737</b>	<b>972.229.675.204</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>884.881.654.531</b>	<b>343.029.586.391</b>
Vay ngắn hạn	311	16	473.247.112.341	134.764.632.245
Phải trả thương mại	312		114.418.935.802	24.797.707.780
Người mua trả tiền trước	313		111.393.088.034	35.641.166.672
Thuế phải nộp ngân sách Nhà nước	314	17	21.967.183.272	30.333.507.769
Phải trả người lao động	315		43.204.415.801	41.092.582.637
Chi phí phải trả	316	18	21.624.749.389	11.857.632.695
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319		92.172.575.618	64.542.356.593
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	19	6.853.594.274	-
<b>Vay và nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>592.315.703.206</b>	<b>629.200.088.813</b>
Nợ dài hạn khác	333	20	125.519.831.624	139.653.361.951
Vay và nợ dài hạn	334	21	354.845.761.678	379.936.670.733
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336		2.257.175.844	2.432.086.665
Doanh thu chưa thực hiện	338	22	109.692.934.060	107.177.969.464
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>732.725.216.830</b>	<b>713.819.499.018</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>732.725.216.830</b>	<b>705.475.235.184</b>
Vốn cổ phần	411	23	249.955.730.000	249.955.730.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		317.064.858.303	317.064.858.303
Cổ phiếu quỹ	413	23	(690.474.358)	(16.000)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		5.093.483.305	2.590.491.459
Quỹ đầu tư và phát triển	417		19.159.016.653	18.409.006.477
Quỹ dự phòng tài chính	418		9.067.519.041	8.193.091.918
Lợi nhuận chưa phân phối	419		133.075.083.886	109.262.073.027
<b>Nguồn kinh phí sự nghiệp</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>8.344.263.834</b>
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	431		-	8.344.263.834
<b>LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>	<b>24</b>	<b>147.408.918.927</b>	<b>106.301.838.442</b>
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>2.357.331.493.494</b>	<b>1.792.351.012.664</b>

Người lập:

Người duyệt:

Hoàng Thị Thảo  
Kế toán trưởng

Nguyễn Vĩnh Thọ  
Tổng Giám đốc

ngày 18 tháng 3 năm 2011

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng**  
**12 năm 2010**

	Mã số	Thuyết minh	2010 VNĐ	2009 VNĐ
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>01</b>	<b>25</b>	<b>4.188.214.039.064</b>	<b>3.093.441.601.012</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>03</b>		<b>(14.664.942.778)</b>	<b>(14.412.563.909)</b>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>10</b>	<b>25</b>	<b>4.173.549.096.286</b>	<b>3.079.029.037.103</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>26</b>	<b>(3.906.776.474.941)</b>	<b>(2.822.262.975.732)</b>
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>20</b>		<b>266.772.621.345</b>	<b>256.766.061.371</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	58.878.449.709	27.798.512.404
Chi phí tài chính	22	28	(59.282.011.340)	(25.936.699.342)
Chi phí bán hàng	24		(100.125.954.398)	(72.186.837.003)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(90.779.612.815)	(78.616.179.737)
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>75.463.492.501</b>	<b>107.824.857.693</b>
<b>Thu nhập từ đầu tư vào các công ty liên kết</b>		<b>14</b>	<b>8.699.578.380</b>	<b>14.190.492.809</b>
<b>Kết quả các hoạt động khác</b>	<b>40</b>			
Thu nhập khác	31	29	26.235.529.594	15.006.832.758
Chi phí khác	32	30	(2.665.995.490)	(11.372.621.708)
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>107.732.604.985</b>	<b>125.649.561.552</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>31</b>	<b>(20.020.353.135)</b>	<b>(23.840.083.598)</b>
<b>Lợi ích/(chi phí) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>	<b>52</b>	<b>31</b>	<b>940.384.837</b>	<b>(1.935.296.935)</b>
<b>Lợi nhuận thuần</b>			<b>88.652.636.687</b>	<b>99.874.181.019</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng**  
**12 năm 2010 (tiếp theo)**

	Mã số	Thuyết minh	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Lợi nhuận thuần			88.652.636.687	99.874.181.019
<b>Phân bổ cho:</b>				
Các cổ đông thiểu số	61	24	16.923.063.523	27.988.729.031
Các cổ đông của Công ty	62		71.729.573.164	71.885.451.988
Lợi nhuận thuần	60		88.652.636.687	99.874.181.019
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	2.871	3.425

Người lập:

Người duyệt:

Hoàng Thị Thảo  
Kế toán trưởng

Nguyễn Vĩnh Thọ  
Tổng Giám đốc

ngày 18 tháng 3 năm 2011



**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**

	<b>Vốn cổ phần VNĐ</b>	<b>Thặng dư vốn cổ phần VNĐ</b>	<b>Cổ phiếu quỹ VNĐ</b>	<b>Chênh lệch tỷ giá hối đoái VNĐ</b>	<b>Quỹ đầu tư và phát triển VNĐ</b>	<b>Quỹ dự phòng tài chính VNĐ</b>	<b>Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ</b>	<b>Quỹ khen thưởng và phúc lợi VNĐ</b>	<b>Tổng VNĐ</b>
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2009</b>	203.610.400.000	180.876.300.000	(3.544.746.277)	650.345.638	16.193.469.287	6.602.007.981	74.824.442.380	7.390.376.821	486.602.595.830
Phát hành cổ phiếu	46.345.330.000	131.090.336.580	-	-	-	-	-	-	177.435.666.580
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	5.098.221.723	3.544.730.277	-	-	-	-	-	8.642.952.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	71.885.451.988	-	71.885.451.988
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	(1.411.458.593)	-	-	-	-	(1.411.458.593)
Chênh lệch tỷ giá do góp vốn vào công ty liên kết	-	-	-	3.351.604.414	-	-	-	-	3.351.604.414
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	-	2.215.537.190	1.591.083.937	(3.806.621.127)	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(4.495.295.467)	4.495.295.467	-
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	(28.609.769.200)	-	(28.609.769.200)
Thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	-	-	(536.135.547)	-	(536.135.547)
Sử dụng các quỹ trong năm	-	-	-	-	-	-	-	(3.541.408.454)	(3.541.408.454)
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2010</b>	<b>249.955.730.000</b>	<b>317.064.858.303</b>	<b>(16.000)</b>	<b>2.590.491.459</b>	<b>18.409.006.477</b>	<b>8.193.091.918</b>	<b>109.262.073.027</b>	<b>8.344.263.834</b>	<b>713.819.499.018</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)**

	Vốn cổ phần VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Cổ phiếu quỹ VNĐ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VNĐ	Quỹ đầu tư và phát triển VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Quỹ khen thưởng và phúc lợi VNĐ	Tổng VNĐ
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2010</b>	249.955.730.000	317.064.858.303	(16.000)	2.590.491.459	18.409.006.477	8.193.091.918	109.262.073.027	8.344.263.834	713.819.499.018
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(690.458.358)	-	-	-	-	-	(690.458.358)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	71.729.573.164	-	71.729.573.164
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	761.112.955	-	-	-	-	761.112.955
Chênh lệch tỷ giá do góp vốn vào công ty liên kết	-	-	-	1.741.878.891	-	-	-	-	1.741.878.891
Phân loại lại vào nợ ngắn hạn	-	-	-	-	-	-	-	(8.344.263.834)	(8.344.263.834)
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	-	894.000.671	874.427.123	(1.768.427.794)	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(6.705.908.489)	-	(6.705.908.489)
Cổ tức (thuyết minh số 33)	-	-	-	-	-	-	(37.483.325.500)	-	(37.483.325.500)
Thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	-	-	(831.975.841)	-	(831.975.841)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	(143.990.495)	-	-	-	(143.990.495)
Các khoản giảm trừ khác	-	-	-	-	-	-	(1.126.924.681)	-	(1.126.924.681)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2010</b>	249.955.730.000	317.064.858.303	(690.474.358)	5.093.483.305	19.159.016.653	9.067.519.041	133.075.083.886	-	732.725.216.830

Người lập:

Người duyệt:

Hoàng Thị Thảo  
Kế toán trưởng

Nguyễn Vinh Thọ  
Tổng Giám đốc

ngày 18 tháng 3 năm 2011

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**

	Mã số	Thuyết minh	2010 VNĐ	2009 VNĐ
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>107.732.604.985</b>	<b>125.649.561.552</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		18.682.998.508	9.365.982.781
Các khoản dự phòng	03		(42.601.022.864)	(43.853.346.424)
(Lãi)/lỗ từ thanh lý tài sản			(3.428.295.074)	7.763.036.121
Lỗ từ kinh doanh chứng khoán			22.592.172.160	26.653.476.621
Xóa sổ tài sản cố định	05		45.835.000	328.402.038
Chi phí lãi vay	06		65.548.226.608	33.031.246.098
Thu nhập lãi tiền gửi và cổ tức			(15.476.132.477)	(17.146.814.273)
Thu nhập từ các công ty liên kết			(8.699.578.380)	(14.190.492.809)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>144.396.808.466</b>	<b>127.601.051.705</b>
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		(191.513.481.921)	(76.567.070.494)
Biến động hàng tồn kho	10		(180.686.134.198)	(23.833.619.353)
Biến động các khoản phải trả và nợ khác	11		187.683.638.380	108.610.360.710
Biến động chi phí trả trước	12		(8.616.476.326)	(7.328.248.416)
			<b>(48.735.645.599)</b>	<b>128.482.474.152</b>
Tiền lãi vay đã trả	13		(62.277.557.193)	(36.125.781.667)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(31.262.208.999)	(13.206.386.195)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(8.196.578.049)	(4.929.429.589)
<b>Tiền thuần (chi cho)/thu từ các hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(150.471.989.840)</b>	<b>74.220.876.701</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**  
**(tiếp theo)**

	<b>Mã</b>	<b>Thuyết</b>	<b>2010</b>	<b>2009</b>
	<b>số</b>	<b>minh</b>	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(250.964.741.104)	(105.581.494.870)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		4.909.494.545	3.948.954.697
Tiền thu từ kinh doanh chứng khoán			90.611.108.000	5.478.152.130
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(54.047.807.729)	(97.815.737.166)
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		15.476.132.477	17.146.814.273
Tiền chi mua tài sản dài hạn khác			(5.762.235.887)	-
<b>Tiền thuần chi cho các hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(199.778.049.698)</b>	<b>(176.823.310.936)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu (Mua lại)/phát hành cổ phiếu quỹ	31		-	177.435.666.580
	32		(690.458.358)	8.642.952.000
Tiền thu từ các khoản vay	33		1.823.336.852.905	775.914.334.080
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.613.860.469.645)	(730.396.077.988)
Tiền thu từ vốn phát hành bởi công ty con cho cổ đông thiểu số			30.733.500.000	5.845.950.000
Tiền thu từ phát hành trái phiếu	33		100.000.000.000	-
Tiền chi trả cho nợ thuê tài chính	35		(1.521.084.113)	-
Tiền trả cổ tức cho cổ đông của Công ty	36		(37.425.544.000)	(16.655.539.000)
Tiền trả cổ tức cho cổ đông thiểu số của công ty con			(5.694.093.828)	(5.446.221.852)
<b>Tiền thuần thu từ các hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>294.878.702.961</b>	<b>215.341.063.820</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(55.371.336.577)</b>	<b>112.738.629.585</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>161.869.131.480</b>	<b>49.130.501.895</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>4</b>	<b>106.497.794.903</b>	<b>161.869.131.480</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**  
**(tiếp theo)**

<b>CÁC GIAO DỊCH ĐẦU TƯ PHI TIỀN TỆ</b>	<b>2010 VNĐ</b>	<b>2009 VNĐ</b>
Giá trị tài sản cố định mua bởi Tập đoàn bằng thuê tài chính	5.436.271.894	2.663.406.747

Người lập:

Người duyệt:

Hoàng Thị Thảo  
*Kế toán trưởng*

Nguyễn Vĩnh Thọ  
*Tổng Giám đốc*

ngày 18 tháng 3 năm 2011

## **Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

#### **1. Đơn vị báo cáo**

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Quyết định số 3448/QĐ-UB do Ủy Ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 7 năm 2004 và được điều chỉnh theo Quyết định số 3449/QĐ-UB cấp cùng ngày. Các hoạt động chính của Công ty là:

- Dịch vụ và thương mại: Tổ chức hệ thống kinh doanh, phân phối, sửa chữa và bảo trì về ô tô, xe gắn máy và linh kiện phụ tùng các loại, với các nhãn hiệu như Toyota, Ford, GM-Daewoo, Suzuki, Hyundai, SYM, Yamaha; cung cấp đa dạng các loại hình dịch vụ theo tiêu chuẩn quốc tế, cung cấp dịch vụ taxi.
- Dịch vụ bất động sản: Đầu tư, hợp tác, phát triển các dự án bất động sản theo định hướng kinh doanh cao ốc văn phòng, trung tâm thương mại, căn hộ, khu biệt thự, khu nghỉ dưỡng cao cấp;
- Dịch vụ tài chính: Đầu tư vốn vào những lĩnh vực, ngành nghề phù hợp với chiến lược kinh doanh của Công ty như thương mại và dịch vụ, bất động sản, đầu tư cơ sở hạ tầng, tài chính, ngân hàng và bưu chính viễn thông.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 bao gồm Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) và lợi ích của Tập đoàn trong các công ty liên kết.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 Tập đoàn có 1.055 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2009: 838 nhân viên).

#### **2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này.

##### **(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính**

##### **(i) Cơ sở kế toán chung**

Báo cáo tài chính trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VNĐ”), được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Các báo cáo tài chính hợp nhất, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**  
**(tiếp theo)**

**(ii) Cơ sở hợp nhất**

*Các công ty con*

Các công ty con là các đơn vị do Tập đoàn kiểm soát. Quyền kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có khả năng chi phối các chính sách tài chính và hoạt động kinh doanh của một công ty con để thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động của công ty con đó. Khi đánh giá kiểm soát, có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng đang có hiệu lực. Các báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc quyền kiểm soát.

*Công ty liên kết*

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, đối với các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày kết thúc ảnh hưởng đáng kể. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ khi khoản lỗ đó nằm trong phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

*Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất*

Số dư của giao dịch nội bộ và bất kỳ lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong tập đoàn được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ ở mức lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết.

*Lợi thế thương mại*

Lợi thế thương mại phản ánh giá phí đầu tư vượt quá giá trị của tài sản thuần thuộc phần của Tập đoàn trên tổng tài sản thuần của các công ty con và công ty liên kết tại thời điểm mua. Lợi thế thương mại, nếu không trọng yếu, được xóa sổ ngay khi phát sinh.

Nếu giá trị thực tế tài sản thuần Tập đoàn mua của các công ty con và công ty liên kết vượt quá giá mua, thì phần vượt trội này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

**(b) Năm tài chính**

Năm tài chính của Tập đoàn từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(c) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VNĐ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VNĐ trong năm được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 (“CMKT 10”) – *Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái*.

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**  
**(tiếp theo)**

**(d) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao có thể dễ dàng chuyển đổi thành khoản tiền xác định trước, ít rủi ro về thay đổi giá trị và được giữ nhằm đáp ứng nhu cầu thanh toán ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

**(e) Kinh doanh chứng khoán, đầu tư ngắn hạn và dài hạn**

**(i) Phân loại**

Tập đoàn phân loại đầu tư vào chứng khoán đã niêm yết và chưa niêm yết là đầu tư ngắn hạn hoặc dài hạn tùy theo dự định và chiến lược đầu tư của Tập đoàn với những công ty là đối tượng đầu tư.

**(ii) Ghi nhận**

Tập đoàn ghi nhận kinh doanh chứng khoán, đầu tư ngắn hạn và dài hạn tại ngày ký kết các điều khoản của hợp đồng đầu tư (hạch toán theo ngày giao dịch).

**(iii) Xác định giá trị**

Chứng khoán kinh doanh, đầu tư ngắn hạn và dài hạn được thể hiện bằng nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

Nguyên giá của chứng khoán kinh doanh, đầu tư ngắn hạn và dài hạn được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền.

**(iv) Giảm giá**

Dự phòng giảm giá chứng khoán đã niêm yết được lập dựa trên quy định hiện hành do Bộ Tài chính ban hành. Dự phòng sẽ được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập. Dự phòng hoàn nhập trong phạm vi không làm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(v) Chấm dứt ghi nhận**

Chứng khoán kinh doanh, đầu tư ngắn hạn và dài hạn được chấm dứt ghi nhận khi quyền lợi và các luồng tiền từ khoản nhận đầu tư đã hết hoặc Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu.

**(f) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện theo nguyên giá trừ dự phòng phải thu khó đòi.



**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**  
**(tiếp theo)**

**(g) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị bằng với số thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp đích danh đối với hàng hóa và bình quân gia quyền đối với các khoản mục khác và bao gồm tất cả các chi phí liên quan phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của sản phẩm tồn kho, trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(h) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí phân bổ trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không khấu hao. Khấu hao các bất động sản khác được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	6 – 42 năm
▪ máy móc và thiết bị	4 – 8 năm
▪ thiết bị văn phòng	2 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 6 năm
▪ khác	3 – 5 năm

**(i) Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính**

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tập đoàn đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 2(h).

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**  
**(tiếp theo)**

**(j) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn được thể hiện theo nguyên giá. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí phân bổ trực tiếp phát sinh liên quan tới việc bảo đảm quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng từ 20 đến 50 năm.

**(ii) Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 - 4 năm.

**(k) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng chưa được hoàn thành. Không trích khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng.

**(l) Bất động sản đầu tư**

**(i) Nguyên giá**

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và bất kỳ chi phí phân bổ trực tiếp liên quan đến việc đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động hiện tại cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư.

**(ii) Khấu hao**

Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không khấu hao. Khấu hao của các bất động sản khác được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư từ 5 đến 36 năm.

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**  
**(tiếp theo)**

**(m) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Chi phí trước hoạt động**

Chi phí trước hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, ngoại trừ chi phí thành lập, chi phí đào tạo, quảng cáo, khuyến mại phát sinh từ ngày thành lập cho tới ngày bắt đầu hoạt động. Các chi phí này được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn, được phản ánh theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm kể từ ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh.

**(ii) Chi phí đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 8 năm.

**(iii) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ sử dụng hơn một năm được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ từ 2 đến 3 năm.

**(n) Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

**(o) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có một nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể được ước tính một cách tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu các dòng tiền dự tính phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh được sự đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể gắn liền với khoản nợ phải trả đó.

**(p) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán, dựa trên các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**  
**(tiếp theo)**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các khoản chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(q) Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu**

Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập mỗi năm từ lợi nhuận chưa phân phối theo tỷ lệ do các cổ đông quyết định trong đại hội cổ đông thường niên.

**(r) Doanh thu**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

**(ii) Cung cấp dịch vụ**

Doanh thu từ các dịch vụ cung cấp được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tỷ lệ hoàn thành được đánh giá dựa trên việc xem xét các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có các yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(iii) Doanh thu cho thuê**

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

**(iv) Thu nhập cổ tức**

Cổ tức được ghi nhận là khoản thu nhập khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

**(v) Doanh thu từ kinh doanh chứng khoán**

Doanh thu từ kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn những rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu được chuyển sang cho người mua. Phần lớn rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu được chuyển khi hoàn thành giao dịch (đối với chứng khoán đã niêm yết) hoặc khi hoàn thành thỏa thuận chuyển giao của tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

**(s) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản ưu đãi đi thuê đã nhận được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**  
**(tiếp theo)**

**(t) Chi phí vay**

Chi phí vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản và bất động sản đầu tư đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay phát sinh trong giai đoạn xây dựng sẽ được vốn hoá vào nguyên giá các tài sản này.

**(u) Lãi trên cổ phiếu**

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tập đoàn chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông trung bình lưu hành trong năm. Tập đoàn không có các cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm.

**(v) Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là một phần riêng biệt của Tập đoàn, cung cấp các sản phẩm hàng hóa hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận kinh doanh), hoặc cung cấp các sản phẩm hàng hóa hay dịch vụ trong một môi trường kinh tế đặc trưng (khu vực địa lý), trong đó các rủi ro và kết quả thu được khác với các bộ phận khác. Bộ phận chính yếu của Tập đoàn là bộ phận kinh doanh. Tập đoàn hoạt động tại Việt Nam, là một khu vực địa lý duy nhất.

**(w) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán**

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được trình bày trong các thuyết minh thích hợp của báo cáo tài chính hợp nhất này.

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)**

**3. Báo cáo bộ phận**

	Dịch vụ thương mại		Dịch vụ bất động sản		Dịch vụ tài chính		Tổng	
	2010 VNĐ	2009 VNĐ	2010 VNĐ	2009 VNĐ	2010 VNĐ	2009 VNĐ	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Doanh thu từ khách hàng bên ngoài	4.029.880.897.364	2.969.203.787.953	191.377.580.109	127.304.310.603	19.868.646.902	24.509.943.760	4.241.127.124.375	3.121.018.042.316
Chi phí trực tiếp của bộ phận	(3.999.930.772.004)	(2.904.425.904.000)	(152.037.968.831)	(89.509.699.282)	(4.995.312.659)	(5.067.088.532)	(4.156.964.053.494)	(2.999.002.691.814)
Lợi nhuận của bộ phận kinh doanh	29.950.125.360	64.777.883.953	39.339.611.278	37.794.611.321	14.873.334.243	19.442.855.228	84.163.070.881	122.015.350.502
Doanh thu không phân bổ							26.235.529.594	15.006.832.758
Chi phí không phân bổ							(2.665.995.490)	(11.372.621.708)
							107.732.604.985	125.649.561.552

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)**

	Dịch vụ thương mại		Dịch vụ bất động sản		Dịch vụ tài chính		Tổng	
	2010 VNĐ	2009 VNĐ	2010 VNĐ	2009 VNĐ	2010 VNĐ	2009 VNĐ	2010 VNĐ	2009 VNĐ
<b>Tài sản</b>								
Tài sản ngắn hạn	653.300.224.217	399.157.077.095	140.769.885.726	73.369.186.230	36.129.147.943	37.312.044.112	830.199.257.886	509.838.307.437
Tài sản dài hạn	309.930.102.821	406.301.583.172	995.835.730.957	619.639.805.908	209.142.475.034	244.711.779.800	1.514.908.308.812	1.270.653.168.880
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	12.223.926.796	11.283.541.959
	963.230.327.038	805.458.660.267	1.136.605.616.683	693.008.992.138	245.271.622.977	282.023.823.912	2.357.331.493.494	1.791.775.018.276
<b>Nợ phải trả</b>								
Nợ ngắn hạn	452.433.002.274	258.969.874.570	270.527.624.222	81.845.009.085	161.921.028.035	12.872.937.200	884.881.654.531	353.687.820.855
Nợ dài hạn	87.677.004.658	206.034.310.020	504.638.698.548	360.230.932.613	-	52.276.611.716	592.315.703.206	618.541.854.349
	540.110.006.932	465.004.184.590	775.166.322.770	442.075.941.698	161.921.028.035	65.149.548.916	1.477.197.357.737	972.229.675.204
Khấu hao và phân bổ	14.724.060.406	5.049.199.489	3.958.938.102	4.139.694.808	-	177.088.484	18.651.993.808	9.365.982.781
Các khoản dự phòng	(634.534.926)	(40.258.676.259)	-	(2.442.681.389)	43.235.557.790	-	42.601.022.864	(43.853.346.424)
Mua tài sản cố định	220.504.534.269	79.933.137.250	-	32.976.606.036	35.896.478.729	-	256.401.012.998	112.909.743.286

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**  
**(tiếp theo)**

**4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2010</b>	<b>31/12/2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền đang chuyển	84.431.349	-
Tiền mặt	5.141.765.517	3.222.446.566
Tiền gửi ngân hàng	76.435.606.257	91.146.684.914
Các khoản tương đương tiền	24.835.991.780	67.500.000.000
	<hr/>	<hr/>
	106.497.794.903	161.869.131.480
	<hr/>	<hr/>

**5. Đầu tư ngắn hạn**

	<b>31/12/2010</b>	<b>31/12/2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Đầu tư ngắn hạn vào:		
▪ Cổ phiếu niêm yết	20.886.466.928	24.716.382.088
▪ Cổ phiếu OTC	28.205.902.543	28.205.902.543
	<hr/>	<hr/>
	49.092.369.471	52.922.284.631
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(12.963.221.528)	(17.289.000.000)
	<hr/>	<hr/>
	36.129.147.943	35.633.284.631
	<hr/>	<hr/>



**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**  
**(tiếp theo)**

Biến động của dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn trong năm như sau:

	<b>2010</b> <b>VND</b>	<b>2009</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	17.289.000.000	24.100.465.852
Hoàn nhập	(4.435.778.472)	(6.811.465.852)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	12.963.221.528	17.289.000.000
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 các khoản đầu tư ngắn hạn với nguyên giá 13.294 triệu VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2009: 7,800 triệu VNĐ) được thế chấp ở ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

## **6. Trả trước cho người bán**

Trả trước cho người bán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 bao gồm giá trị trả trước để mua nhà cửa và cho công trình xây dựng là 153.532 triệu VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2009: 48.030 triệu VNĐ).

## **7. Dự phòng phải thu khó đòi**

Biến động dự phòng phải thu khó đòi trong năm như sau:

	<b>2010</b> <b>VND</b>	<b>2009</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	1.042.257.591	1.169.274.361
Tăng dự phòng trong năm	449.648.595	126.883.638
Sử dụng dự phòng trong năm	-	(253.900.408)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	1.491.906.186	1.042.257.591
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**  
**(tiếp theo)**

**8. Hàng tồn kho**

	<b>31/12/2010</b>	<b>31/12/2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Hàng mua đang đi đường	7.494.652.908	1.920.476.190
Vật tư và phụ tùng thay thế	4.251.254.476	4.229.837.343
Sản phẩm dở dang	1.211.899.666	-
Hàng hóa	266.350.163.336	93.196.406.129
Hàng gửi đi bán	704.791.042	-
	<hr/>	<hr/>
	280.012.761.428	99.346.719.662
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(4.825.043.063)	(4.660.249.164)
	<hr/>	<hr/>
	275.187.718.365	94.686.470.498
	<hr/>	<hr/>

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	<b>2010</b>	<b>2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	4.660.249.164	4.154.364.429
Tăng dự phòng trong năm	184.886.331	632.051.833
Sử dụng dự phòng trong năm	(20.092.432)	(126.167.098)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	4.825.043.063	4.660.249.164
	<hr/>	<hr/>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 hàng tồn kho với giá trị ghi sổ là 23.530 triệu VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2009: 6.440 triệu VNĐ) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)**

**9. Tài sản cố định hữu hình**

	<b>Nhà cửa VNĐ</b>	<b>Máy móc và thiết bị VNĐ</b>	<b>Thiết bị văn phòng VNĐ</b>	<b>Phương tiện vận chuyển VNĐ</b>	<b>Khác VNĐ</b>	<b>Tổng VNĐ</b>
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	37.196.740.463	10.050.997.521	4.551.900.448	10.425.898.897	373.600.430	62.599.137.759
Tăng trong năm	40.445.015.095	8.398.304.525	3.257.899.622	5.877.648.099	3.442.384.665	61.421.252.006
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	34.956.728.979	857.210.500	-	-	977.682.399	36.791.621.878
Thanh lý	-	(473.524.940)	(319.731.942)	(1.336.286.104)	-	(2.129.542.986)
Phân loại lại	(329.040.909)	83.152.858	245.888.051	-	-	-
Số dư cuối năm	112.269.443.628	18.916.140.464	7.735.956.179	14.967.260.892	4.793.667.494	158.682.468.657
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	11.651.624.412	5.150.103.621	2.530.371.058	3.329.286.554	373.600.430	23.034.986.075
Khấu hao trong năm	3.451.874.652	1.968.442.553	832.355.369	1.715.673.217	161.715.965	8.130.061.756
Thanh lý	-	(434.451.601)	(297.583.272)	(681.333.543)	-	(1.413.368.416)
Phân loại lại	(26.169.447)	(60.076.831)	86.246.278	-	-	-
Số dư cuối năm	15.077.329.617	6.624.017.742	3.151.389.433	4.363.626.228	535.316.395	29.751.679.415
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu năm	25.545.116.051	4.900.893.900	2.021.529.390	7.096.612.343	-	39.564.151.684
Số dư cuối năm	97.192.114.011	12.292.122.722	4.584.566.746	10.603.634.664	4.258.351.099	128.930.789.242

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 5.859 triệu VNĐ được khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2010 (ngày 31 tháng 12 năm 2009: 14.398 triệu VNĐ), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ là 8.030 triệu VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2009: 2.287 triệu VNĐ) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**  
**(tiếp theo)**

**10. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính**

	<b>Thiết bị văn phòng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu năm	2.663.406.747
Tăng trong năm	5.436.271.894
	<hr/>
Số dư cuối năm	8.099.678.641
	<hr/>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Khấu hao trong năm và số dư cuối năm	1.208.672.090
	<hr/>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu năm	2.663.406.747
Số dư cuối năm	6.891.006.551
	<hr/> <hr/>

Vào ngày kết thúc hợp đồng thuê Tập đoàn có quyền chọn mua thiết bị với giá ưu đãi. Các thiết bị thuê đảm bảo nghĩa vụ thuê.

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**  
**(tiếp theo)**

**11. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn VNĐ</b>	<b>Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định VNĐ</b>	<b>Phần mềm máy vi tính VNĐ</b>	<b>Tổng VNĐ</b>
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm	14.634.054.300	36.486.639.190	694.621.450	51.815.314.940
Tăng trong năm	-	-	622.146.600	622.146.600
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	-	435.870.000	435.870.000
Thanh lý	-	-	(31.004.700)	(31.004.700)
Số dư cuối năm	14.634.054.300	36.486.639.190	1.721.633.350	52.842.326.840
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	-	3.438.959.980	212.458.192	3.651.418.172
Khấu hao trong năm	-	876.700.512	201.849.137	1.078.549.649
Thanh lý	-	-	(31.004.700)	(31.004.700)
Số dư cuối năm	-	4.315.660.492	383.302.629	4.698.963.121
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số dư đầu năm	14.634.054.300	33.047.679.210	482.163.258	48.163.896.768
Số dư cuối năm	14.634.054.300	32.170.978.698	1.338.330.721	48.143.363.719

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 tài sản cố định vô hình với giá trị ghi sổ là 45.098 triệu VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2009: 45.739 triệu VNĐ) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**  
**(tiếp theo)**

**12. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>2010</b>	<b>2009</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Số dư đầu năm	314.705.368.869	267.433.722.200
Tăng trong năm	188.921.342.498	56.292.835.400
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(2.548.841.876)	(5.882.599.276)
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(36.791.621.878)	(1.542.311.188)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(435.870.000)	(818.300.400)
Chuyển sang đầu tư dài hạn	(1.158.394.700)	-
Xóa sổ	(45.835.000)	(82.492.660)
Thanh lý	(765.024.901)	(695.485.207)
Số dư cuối năm	461.881.123.012	314.705.368.869

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 giá trị ghi sổ của xây dựng cơ bản dở dang là 417.734 triệu VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2009: 161.013 triệu VNĐ) được thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**  
**(tiếp theo)**

**13. Bất động sản đầu tư**

	<b>Quyền sử dụng đất VNĐ</b>	<b>Nhà cửa VNĐ</b>	<b>Tổng VNĐ</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	57.306.554.900	55.952.895.428	113.259.450.328
Tăng trong năm	31.896.275.364	-	31.896.275.364
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	2.548.841.876	2.548.841.876
Chuyển từ trả trước cho người bán	-	651.913.765	651.913.765
Thanh lý	(31.896.275.364)	(651.913.765)	(32.548.189.129)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>57.306.554.900</b>	<b>58.501.737.304</b>	<b>115.808.292.204</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	-	15.457.409.647	15.457.409.647
Khấu hao trong năm	-	3.958.938.102	3.958.938.102
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>19.416.347.749</b>	<b>19.416.347.749</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	57.306.554.900	40.495.485.781	97.802.040.681
Số dư cuối năm	57.306.554.900	39.085.389.555	96.391.944.455

Bất động sản đầu tư của Tập đoàn bao gồm các bất động sản cho thuê tạo thu nhập.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư không được xác định bởi vì không có một giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Tập đoàn và không có thị trường hoạt động cho loại bất động sản đầu tư này.

Trong bất động sản đầu tư có các tài sản với nguyên giá 4.893 triệu VNĐ được khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2009 (ngày 31 tháng 12 năm 2009: 4.893 triệu VNĐ), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 bất động sản đầu tư với giá trị ghi sổ là 78.115 triệu VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2009: 83.487 triệu VNĐ) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**  
**(tiếp theo)**

**14. Đầu tư dài hạn**

	<b>31/12/2010</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2009</b> <b>VND</b>
Đầu tư dài hạn vào công ty liên kết	245.139.975.519	237.921.906.002
Đầu tư dài hạn khác	466.032.998.908	523.140.161.479
	<hr/>	<hr/>
	711.172.974.427	761.062.067.481
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(23.885.479.056)	(62.795.258.374)
	<hr/>	<hr/>
	687.287.495.371	698.266.809.107
	<hr/>	<hr/>

Biến động giá trị đầu tư vào công ty liên kết như sau:

	<b>2010</b> <b>VND</b>	<b>2009</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	237.921.906.002	223.894.353.641
Đầu tư mới	2.940.000.000	-
Thu nhập từ lợi nhuận thuần của công ty liên kết (sau thuế thu nhập doanh nghiệp)	8.699.578.380	14.190.492.809
Cổ tức từ công ty liên kết	(4.611.727.358)	(3.638.887.232)
Giảm quỹ khen thưởng và phúc lợi và các quỹ khác	(1.391.158.846)	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.741.878.891	3.351.604.414
Loại bỏ lỗ chưa thực hiện	257.821.844	124.342.320
Khác	(418.323.394)	-
	<hr/>	<hr/>
	245.139.975.519	237.921.906.002
	<hr/>	<hr/>

Trong đầu tư dài hạn khác có đầu tư vào cổ phiếu chưa được niêm yết hay giao dịch phổ biến trên thị trường với giá trị ghi sổ 223.798.610.590 VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2009: 294.721.932.590 VNĐ) giá thị trường của các cổ phiếu này chưa được định giá chắc chắn và chưa có thông tin tin cậy để xem xét về việc giảm giá cổ phiếu; do đó, khoản đầu tư vào các cổ phiếu này được thể hiện theo nguyên giá.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 các khoản đầu tư vào công ty liên kết với nguyên giá 20.571 triệu VNĐ và các khoản đầu tư dài hạn khác với nguyên giá 138.724 triệu VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2009: lần lượt là 13.713 triệu VNĐ và 60.730 triệu VNĐ) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.



**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**  
**(tiếp theo)**

Biến động của dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn trong năm như sau:

	<b>2010</b>	<b>2009</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Số dư đầu năm	62.795.258.374	100.596.074.417
Hoàn nhập	(38.605.243.532)	(37.800.816.043)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	23.885.479.056	62.795.258.374
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Trong năm, Tập đoàn đã thanh lý một công ty con – Công ty TNHH Thương Mại – Dịch Vụ Bán Lẻ Tự Động Savico (SAVICO – R) vào ngày 30 tháng 9 năm 2010. Tập đoàn đã ghi nhận một khoản lỗ thuần là 61.988.951 VNĐ của công ty con từ tháng 1 năm 2010 đến ngày thanh lý. Không có khoản lỗ nào phát sinh thêm từ việc thanh lý này.

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**  
**(tiếp theo)**

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty liên kết như sau:

<b>Tên</b>	<b>Hoạt động chính</b>	<b>Giấy phép Đầu tư</b>	<b>% quyền sở hữu</b>	<b>31/12/2010 VND</b>	<b>31/12/2009 VND</b>
Công ty TNHH Siêu xe	Chuyên cung cấp phụ tùng, phụ kiện, trang trí nội thất xe ô tô.	Giấy phép Kinh doanh số 4103008825 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21 tháng 12 năm 2007 và được điều chỉnh ngày 6 tháng 3 năm 2008	37,5%	1.213.115.573	1.293.252.613
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Bến Thành – Savico (SYM)	Chuyên cung cấp xe gắn máy thương hiệu SYM. Mua bán và cung cấp phụ tùng, dịch vụ bảo trì, sửa chữa xe gắn máy.	Giấy phép Kinh doanh số 4102036521 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25 tháng 1 năm 2006.	37,33%	2.074.885.332	1.851.170.058
Công ty Cổ phần Dana (DANA FORD)	Chuyên cung cấp ô tô thương hiệu FORD. Mua bán và cung cấp phụ tùng thiết bị ô tô, dịch vụ bảo trì, sửa chữa ô tô.	Giấy phép Kinh doanh số 044937 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Đà Nẵng cấp ngày 16 tháng 6 năm 1998 và được điều chỉnh ngày 25 tháng 6 năm 2007	40,27%	5.832.530.022	5.668.065.506
Công ty Taxi Comfort Delgro Savico	Điều hành dịch vụ vận tải bằng taxi và các dịch vụ khác có liên quan tại Việt Nam.	Giấy phép Kinh doanh số 824/GP-HCM do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28 tháng 3 năm 2005.	40,19%	27.010.164.401	23.708.149.910
Công ty TNHH Dịch vụ Sài Gòn	Công trình xây dựng dân dụng, các dự án công nghiệp; cung cấp dịch vụ cho thuê văn phòng và giải trí.	Giấy phép Kinh doanh số 4102003457 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 1 năm 2001.	49%	1.407.232.099	1.831.887.896

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**  
**(tiếp theo)**

<b>Tên</b>	<b>Hoạt động chính</b>	<b>Giấy phép Đầu tư</b>	<b>% quyền sở hữu</b>	<b>31/12/2010 VND</b>	<b>31/12/2009 VND</b>
Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn (TESC)	Chuyên cung cấp ô tô thương hiệu TOYOTA Mua bán và cung cấp phụ tùng thiết bị ô tô, dịch vụ bảo trì, sửa chữa ô tô.	Giấy phép Kinh doanh số 4103001903 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 3 tháng 11 năm 2003, được điều chỉnh ngày 14 tháng 7 năm 2005, ngày 14 tháng 11 năm 2007.	35,16%	45.756.025.752	41.673.458.611
Công ty TNHH Savico -Vinaland	Xây dựng và quản lý trung tâm thương mại, cung cấp thuê văn phòng và các dịch vụ liên quan.	Giấy phép Đầu tư số 411022000214 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 3 tháng 10 năm 2008.	49,50%	158.711.092.883	161.895.921.408
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn Khánh Hội	Kinh doanh, tư vấn và bỏ thầu bất động sản, quảng cáo.	Giấy phép Kinh doanh số 0309535441 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 4 tháng 1 năm 2010.	49%	3.134.929.457	-
				245.139.975.519	237.921.906.002

**15. Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>31/12/2010 VND</b>	<b>31/12/2009 VND</b>
Chi phí trước hoạt động	9.411.395.359	4.199.160.437
Chi phí đất trả trước	17.132.704.879	16.125.432.980
Công cụ và dụng cụ	3.596.832.023	5.824.655.699
Chi phí khác	5.421.590.908	746.797.727
35.562.523.169		26.946.046.843

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**  
**(tiếp theo)**

**16. Vay ngắn hạn**

	<b>31/12/2010</b> <b>VNĐ</b>	<b>31/12/2009</b> <b>VNĐ</b>
Vay bằng VNĐ	362.614.848.741	97.538.862.045
Nợ dài hạn đến hạn trả (thuyết minh số 21)	110.632.263.600	37.225.770.200
	<hr/>	<hr/>
	473.247.112.341	134.764.632.245
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Trong vay ngắn hạn có 30.356 triệu VNĐ vay không đảm bảo (ngày 31 tháng 12 năm 2009: 39.540 triệu VNĐ) và 332.258 triệu VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2009: 57.999 triệu VNĐ) đảm bảo bằng tài sản có giá trị ghi sổ là 104.296 triệu VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2009: 75.586 triệu VNĐ).

Vay ngắn hạn chịu lãi suất trong khoảng từ 3,6% đến 19% (2009: 3,6% đến 12,75%) một năm.

**17. Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước**

	<b>31/12/2010</b> <b>VNĐ</b>	<b>31/12/2009</b> <b>VNĐ</b>
Thuế giá trị gia tăng	6.159.149.333	3.850.749.035
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.348.973.624	24.457.520.023
Thuế khác	2.459.060.315	2.025.238.711
	<hr/>	<hr/>
	21.967.183.272	30.333.507.769
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

**18. Chi phí phải trả**

	<b>31/12/2010</b> <b>VNĐ</b>	<b>31/12/2009</b> <b>VNĐ</b>
Chi phí lãi vay	4.348.934.191	1.078.264.776
Chi phí thuê	3.762.749.089	2.662.852.652
Phí kiểm toán	674.750.000	1.045.376.182
Chi phí lương và các chi phí liên quan	3.398.957.612	1.099.162.755
Trích trước cho xây dựng	68.000.000	-
Các chi phí khác	9.371.358.497	5.971.976.330
	<hr/>	<hr/>
	21.624.749.389	11.857.632.695
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**  
**(tiếp theo)**

**19. Quỹ khen thưởng và phúc lợi**

Biến động của quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm như sau:

	<b>2010</b> <b>VND</b>
Phân loại lại từ nguồn kinh phí sự nghiệp	8.344.263.834
Phân bổ từ lợi nhuận chưa phân phối trong năm	6.705.908.489
Sử dụng quỹ trong năm	(8.196.578.049)
	<hr/>
Số dư cuối năm	6.853.594.274
	<hr/> <hr/>

**20. Nợ dài hạn khác**

	<b>31/12/2010</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2009</b> <b>VND</b>
Ký quỹ dài hạn nhận được	11.882.492.630	10.011.121.947
Phải trả dài hạn khác	113.637.338.994	129.642.240.004
	<hr/>	<hr/>
	125.519.831.624	139.653.361.951
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Phải trả dài hạn khác thể hiện số tiền nhận góp vốn cho các dự án bất động sản.

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**  
**(tiếp theo)**

**21. Vay và nợ dài hạn**

	<b>31/12/2010</b> <b>VNĐ</b>	<b>31/12/2009</b> <b>VNĐ</b>
Vay dài hạn bằng VNĐ	359.308.261.313	414.907.864.749
Trái phiếu dài hạn	100.000.000.000	-
	<hr/> 459.308.261.313	<hr/> 414.907.864.749
Nợ thuê tài chính (*)	6.169.763.965	2.254.576.184
	<hr/> 465.478.025.278	<hr/> 417.162.440.933
Hoàn trả trong vòng 12 tháng (thuyết minh số 16)	(110.632.263.600)	(37.225.770.200)
	<hr/> 354.845.761.678	<hr/> 379.936.670.733
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Trong vay dài hạn có 34.435.000.000 VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2009: 49.537.878.075 VNĐ) vay không đảm bảo và 431.043.025.278 VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2009: 365.369.986.674 VNĐ) vay có đảm bảo bằng tài sản có giá trị ghi sổ 461.061 triệu VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2009: 305.623 triệu VNĐ). Các khoản vay dài hạn chịu lãi suất trong khoảng từ 5,2% đến 20,5% (2009: từ 10,5% đến 14,1%) một năm.

Trái phiếu dài hạn được phát hành vào tháng 7 năm 2010 theo mệnh giá. Các trái phiếu này sẽ đáo hạn vào tháng 7 năm 2015 và được hoàn trả theo mệnh giá. Các trái phiếu này được đảm bảo bằng tài sản có giá trị ghi sổ 179.739 triệu VNĐ và chịu lãi suất năm là 15,5%.

Thời hạn thanh toán của các khoản vay dài hạn như sau:

	<b>31/12/2010</b> <b>VNĐ</b>	<b>31/12/2009</b> <b>VNĐ</b>
Trong vòng một năm	108.953.098.000	37.225.770.200
Từ hai đến năm năm	147.284.095.662	282.445.319.255
Trên năm năm	103.071.067.651	95.236.775.294
	<hr/> 359.308.261.313	<hr/> 414.907.864.749
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**  
**(tiếp theo)**

(\*) Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho hợp đồng thuê tài chính không được hủy ngang như sau:

	31/12/2010 VNĐ			31/12/2009 VNĐ		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi	Trả nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi	Trả nợ gốc
Trong vòng một năm	2.677.797.134	998.631.534	1.679.165.600	690.581.300	360.004.100	330.577.200
Từ hai đến năm năm	5.782.216.895	1.291.618.530	4.490.598.365	2.595.161.384	671.162.400	1.923.998.984
	8.460.014.028	2.290.250.063	6.169.763.965	3.285.742.684	1.031.166.500	2.254.576.184

**22. Doanh thu chưa thực hiện**

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Doanh thu từ dịch vụ bất động sản đầu tư	96.404.130.454	107.177.969.464
Doanh thu từ dịch vụ bảo hành và chăm sóc khách hàng	13.288.803.606	-
	109.692.934.060	107.177.969.464

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**  
**(tiếp theo)**

**23. Vốn cổ phần**

	31/12/2010		31/12/2009	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Cổ phiếu phổ thông được phép lưu hành	24.995.573	249.955.730.000	24.995.573	249.955.730.000
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành	24.995.573	249.955.730.000	24.995.573	249.955.730.000
Cổ phiếu quỹ	(20.066)	(690.474.358)	(1)	(16.000)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	24.975.507	249.265.255.642	24.995.572	249.955.714.000

Tất cả cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VNĐ. Mỗi cổ phiếu tương đương với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức được công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông được xếp ngang hàng khi hưởng phần tài sản thuần còn lại của Công ty. Đối với cổ phiếu mà Công ty mua lại, mọi quyền lợi đều bị treo cho đến khi số cổ phiếu đó được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2010		2009	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	24.995.572	249.955.714.000	20.139.979	200.065.653.723
Cổ phiếu phát hành trong năm	-	-	4.634.533	46.345.330.000
Cổ phiếu quỹ mua trong năm	(20.065)	(690.458.358)	-	-
Cổ phiếu quỹ phát hành lại trong năm	-	-	221.060	3.544.730.277
Số dư cuối năm	24.975.507	249.265.255.642	24.995.572	249.955.714.000

Tháng 8 năm 2009, Công ty phát hành lại cổ phiếu quỹ thu về 8.642.952.000 VNĐ, với số tiền vượt trên mệnh giá là 5.098.221.723 VNĐ. Khoản này được ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần.

Tháng 10 năm 2009, Công ty đã phát hành 4.634.533 cổ phiếu cho các cổ đông cũ và mới. Khoản thu từ phát hành cổ phiếu vượt trên mệnh giá là 131.090.336.580 VNĐ được ghi nhận là phần thặng dư vốn cổ phần trong phần vốn chủ sở hữu.



**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**  
**(tiếp theo)**

**24. Lợi ích cổ đông thiểu số**

	<b>2010</b> <b>VND</b>	<b>2009</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	106.301.838.442	79.466.426.625
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông thiểu số trong năm	16.923.063.523	27.988.729.031
Vốn góp trong năm	30.733.500.000	5.845.950.000
Cổ tức	(5.694.093.828)	(5.446.221.852)
Sử dụng quỹ khen thưởng và phúc lợi phân bổ cho cổ đông thiểu số	(1.999.419.704)	(851.885.588)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	(701,159,774)
Thanh lý Savico-R	760.507.027	-
Khác	383.523.467	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	147.408.918.927	106.301.838.442

**25. Tổng doanh thu**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	<b>2010</b> <b>VND</b>	<b>2009</b> <b>VND</b>
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	3.938.934.250.841	2.876.534.520.785
▪ Dịch vụ	195.316.332.904	140.785.619.923
▪ Dịch vụ bất động sản đầu tư	53.963.455.319	76.121.460.304
	<hr/>	<hr/>
	4.188.214.039.064	3.093.441.601.012
Các khoản giảm trừ doanh thu	(14.664.942.778)	(14.412.563.909)
	<hr/>	<hr/>
Doanh thu thuần	4.173.549.096.286	3.079.029.037.103

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**  
**(tiếp theo)**

**26. Giá vốn hàng bán**

	<b>2010</b>	<b>2009</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Hàng hóa đã bán	3.776.653.093.518	2.703.288.808.377
Dịch vụ cung cấp	93.614.319.788	113.738.507.559
Chi phí khấu hao bất động sản đầu tư	3.958.938.102	3.152.630.863
Giá vốn bất động sản đầu tư	32.528.189.129	1.450.977.100
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	21.934.404	632.051.833
	<hr/>	<hr/>
	3.906.776.474.941	2.822.262.975.732
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

**27. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2010</b>	<b>2009</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Thu nhập lãi tiền gửi	4.199.322.932	2.189.982.234
Lãi từ kinh doanh chứng khoán	9.705.311.000	10.135.681.200
Thu nhập từ các khoản đầu tư khác	29.859.559.115	-
Cổ tức	11.276.809.545	15.135.860.459
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.386.483.391	318.664.516
Doanh thu tài chính khác	1.450.963.726	18.323.995
	<hr/>	<hr/>
	58.878.449.709	27.798.512.404
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

**28. Chi phí tài chính**

	<b>2010</b>	<b>2009</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Chi phí lãi vay	65.548.226.608	33.031.246.098
Lỗ từ kinh doanh chứng khoán	32.297.483.160	36.789.157.821
Chi phí kinh doanh chứng khoán	1.669.681.988	484.394.542
Lỗ chênh lệch tỷ giá	2.258.980.518	244.182.776
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn và dài hạn	(43.235.557.790)	(44.612.281.895)
Chi phí tài chính khác	743.196.856	-
	<hr/>	<hr/>
	59.282.011.340	25.936.699.342
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**  
**(tiếp theo)**

**29. Thu nhập khác**

	<b>2010</b> <b>VNĐ</b>	<b>2009</b> <b>VNĐ</b>
Thu từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	4.909.494.545	3.948.954.697
Thu hoa hồng từ các đơn vị khác	1.344.860.605	276.021.026
Hỗ trợ từ nhà cung cấp	14.594.877.398	5.898.819.886
Thu nhập khác	5.386.297.046	4.883.037.149
	<hr/> 26.235.529.594	<hr/> 15.006.832.758

**30. Chi phí khác**

	<b>2010</b> <b>VNĐ</b>	<b>2009</b> <b>VNĐ</b>
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	1.481.199.471	10.261.013.718
Giá trị còn lại của tài sản xóa sổ	45.835.000	382.402.038
Các chi phí khác	1.138.961.019	729.205.952
	<hr/> 2.665.995.490	<hr/> 11.372.621.708

**31. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong bảng cân đối kế toán**

	<b>31/12/2010</b> <b>VNĐ</b>	<b>31/12/2009</b> <b>VNĐ</b>
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Các khoản dự phòng	-	4.745.384
Doanh thu chưa thực hiện	7.535.296.722	-
Chi phí phải trả	942.670.920	935.254.115
Giá trị của các khoản lỗ mang sang được ghi nhận	3.745.959.154	10.343.542.460
	<hr/> 12.223.926.796	<hr/> 11.283.541.959

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**  
**(tiếp theo)**

**(b) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	<b>2010</b> <b>VNĐ</b>	<b>2009</b> <b>VNĐ</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập hiện hành</b>		
Năm hiện hành	20.032.108.116	22.897.602.866
Dự phòng (thừa)/thiếu trong những năm trước	(11.754.981)	942.480.732
	20.020.353.135	23.840.083.598
<b>(Lợi ích)/chi phí thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Phát sinh các khoản chênh lệch tạm thời	(8.101.829.354)	(766.557.349)
Xóa sổ tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	6.310.518.697
Hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	487.773.802	6.734.878.047
Lỗi tính thuế mang sang được sử dụng/(ghi nhận)	6.673.670.715	(10.343.542.460)
	(940.384.837)	1.935.296.935
Chi phí thuế thu nhập	19.079.968.298	25.775.380.533

**(c) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>2010</b> <b>VNĐ</b>	<b>2009</b> <b>VNĐ</b>
Lợi nhuận trước thuế	107.732.604.985	125.649.561.552
Thuế theo thuế suất thuế thu nhập áp dụng cho Công ty	26.933.151.246	31.223.634.646
Ảnh hưởng thuế của chi phí không khấu trừ thuế	2.230.675.839	2.194.173.005
Ảnh hưởng thuế của thu nhập không chịu thuế	(7.015.731.747)	(4.290.189.552)
Ảnh hưởng của ưu đãi thuế	(4.250.794.434)	(8.403.790.776)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không ghi nhận tại các công ty con	1.416.660.842	2.790.364.084
Xóa sổ tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	6.310.518.697
Lỗi tính thuế được sử dụng tại các công ty con	(222.238.467)	(128.638.903)
Ảnh hưởng của lỗi chưa thực hiện từ công ty con	-	(4.863.171.440)
Dự phòng thiếu trong những năm trước	(11.754.981)	942.480.732
Chi phí thuế thu nhập	19.079.968.298	25.775.380.533

Tài sản thuế hoãn lại không được một số công ty con ghi nhận trên số lỗi tính thuế vì các công ty con này không chắc chắn có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng lợi ích của các khoản lỗi tính thuế này.

## Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con

### Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

#### (d) Thuế suất áp dụng

Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất phổ biến được áp dụng cho các doanh nghiệp tại Việt Nam, hiện nay bằng 25% trên lợi nhuận tính thuế. Công ty được miễn thuế thu nhập trong năm 2005 và năm 2006 và được giảm 50% thuế thu nhập cho năm năm tiếp theo (từ năm 2007 đến năm 2011).

## 32. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 dựa trên số lợi nhuận thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành, được thực hiện như sau:

#### *Lợi nhuận thuần thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông*

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Lợi nhuận thuần thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn	71.729.573.164	71.885.451.988

#### *Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông*

	2010 Số lượng cổ phiếu	2009 Số lượng cổ phiếu
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	24.995.572	20.139.979
Ảnh hưởng của cổ phiếu bán ra tháng 8 năm 2009	-	73.687
Ảnh hưởng của cổ phiếu phát hành tháng 10 năm 2009	-	772.422
Ảnh hưởng của cổ phiếu mua lại tháng 6 năm 2010	(7.263)	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu mua lại tháng 7 năm 2010	(882)	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu mua lại tháng 8 năm 2010	(1.903)	-
Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành cuối năm	24.985.524	20.986.088

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty không có các cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm.

## 33. Cổ tức

Đại hội cổ đông của Công ty ngày 16 tháng 4 năm 2010 đã quyết định chia cổ tức là 24.996 triệu VNĐ (10% mệnh giá của những cổ phiếu đang lưu hành tại ngày 21 tháng 5 năm 2010, là ngày chốt danh sách cổ đông được hưởng cổ tức) (2009: 16.112 triệu VNĐ hay 8% mệnh giá của những cổ phiếu đang lưu hành tại ngày 20 tháng 5 năm 2009).

Hội đồng quản trị họp ngày 24 tháng 12 năm 2010 đã quyết định chia cổ tức là 12.487 triệu VNĐ (5% mệnh giá của những cổ phiếu đang lưu hành tại ngày 27 tháng 12 năm 2010, là ngày chốt danh sách cổ đông được hưởng cổ tức).

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**  
**(tiếp theo)**

<b>Các công ty con</b>	<b>Hoạt động chính</b>	<b>Giấy phép đầu tư số</b>	<b>% sở hữu</b>
Công ty Cổ phần Savico Hà Nội	Điều hành trung tâm thương mại, dịch vụ khách sạn; xây dựng dân sự, dự án công nghiệp; đại lý thương mại và ủy thác; hoạt động xuất nhập khẩu; kinh doanh phương tiện vận tải và bảo trì xe hơi, cho thuê máy, dịch vụ vận chuyển và đậu xe.	Giấy phép Kinh doanh số 0103018056 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 19 tháng 6 năm 2007 và ngày 12 tháng 9 năm 2007.	70%
Công ty TNHH Toyota Cần Thơ	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu TOYOTA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	Giấy phép Đầu tư số 571022000005 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Cần Thơ cấp ngày 18 tháng 4 năm 2007.	51%
Công ty Cổ phần Ô tô Sông Hàn	Kinh doanh và bảo trì xe hơi, xe chở hàng, thiết bị điện, đồ gỗ, vật liệu xây dựng, đại lý bảo hiểm.	Giấy phép Đầu tư số 0401337755 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 8 tháng 2 năm 2010.	51%
Công ty TNHH một thành viên Sài Gòn Phương Nam.	Kinh doanh xe gắn máy mang nhãn hiệu YAMAHA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	Giấy phép Đầu tư số 0309207754 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 18 tháng 6 năm 2009 và được điều chỉnh gần đây nhất vào ngày 12 tháng 3 năm 2011	55%

**Giao dịch với các cán bộ quản lý chủ chốt**

Lương, thù lao và công tác phí cho các cán bộ quản lý chủ chốt như sau:

	<b>2010</b>	<b>2009</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Thành viên Hội đồng Quản trị	2.900.355.000	2.101.842.000
Thành viên Ban Tổng Giám đốc	689.063.000	953.000.000
Ban Kiểm soát	122.800.000	92.000.000
	<b>3.712.218.000</b>	<b>3.146.842.000</b>

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**  
**(tiếp theo)**

**Các giao dịch với bên liên quan khác**

Trong năm có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Tính chất giao dịch</b>	<b>2010 VNĐ</b>	<b>2009 VNĐ</b>
Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn	Công ty liên kết	Cổ tức nhận từ công ty liên kết	3.428.100.000	1.371.240.000
		Mua hàng của công ty liên kết	-	922.307.388
		Bán hàng cho công ty liên kết	-	132.484.000
		Vay công ty liên kết	20.000.000.000	-
Công ty Taxi Comfort Delgro Savico	Công ty liên kết	Tiền thuê thu từ công ty liên kết	2.438.455.970	2.184.202.774
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Bến Thành Savico	Công ty liên kết	Cổ tức nhận từ công ty liên kết	400.565.332	448.000.000
		Hoa hồng nhận từ công ty liên kết	1.330.595.500	1.652.773.650
Công ty Cổ phần Dana	Công ty liên kết	Cổ tức nhận từ công ty liên kết	783.062.026	1.819.647.182
Công ty TNHH Savico-Vinaland	Công ty liên kết	Phí tư vấn thu từ công ty liên kết	1.713.986.163	3.156.603.624
		Tiền thuê tính cho công ty liên kết	1.342.925.760	-
		Trả hộ công ty liên kết	15.023.473.560	-

**35. Cam kết thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<b>31/12/2010 VNĐ</b>	<b>31/12/2009 VNĐ</b>
Trong vòng một năm	20.113.029.195	20.570.129.788
Từ hai đến năm năm	53.838.046.119	36.543.158.353
Trên năm năm	59.235.244.970	67.253.419.236
	<b>133.186.320.284</b>	<b>124.366.707.377</b>

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**  
**(tiếp theo)**

**36. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>2010</b>	<b>2009</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Chi phí mua hàng hóa	3.884.702.101.384	1.697.200.811.330
Chi phí nhân công và nhân viên văn phòng	94.666.360.840	79.003.405.186
Chi phí khấu hao và phân bổ	18.682.998.508	9.365.982.781
Chi phí dịch vụ mua ngoài	109.991.232.724	89.407.639.642
Chi phí khác	41.703.431.486	20.289.730.576

**37. Số liệu so sánh**

Một số số liệu so sánh đã được phân loại lại để phù hợp với cách trình bày của năm nay như sau:

**(a) Bảng cân đối kế toán hợp nhất**

	<b>31/12/2009</b>	<b>31/12/2009</b>
	<b>(Phân loại lại)</b>	<b>(Đã báo cáo</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>trước đây)</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Phải trả khác	64.542.356.593	75.200.591.057
Doanh thu chưa thực hiện	107.177.969.464	-
Phải trả dài hạn khác	139.653.361.951	236.173.096.951

Người lập:

Người duyệt:

Hoàng Thị Thảo  
*Kế toán trưởng*

Nguyễn Vĩnh Thọ  
*Tổng Giám đốc*

ngày 18 tháng 3 năm 2011